UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1084 /QĐ-UBND	*Sơn Động, ngày* 30 *tháng*12 *năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của huyện Sơn Động

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 *và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Động khóa XX kỳ họp thứ 7 về ước thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 96/TTr-TCKH ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của huyện Sơn Động *(theo các biểu kèm theo Quyết định này)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- TTHU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chi cục Thuế khu vực Lục Ngạn-Sơn Động;
- Kho bạc Nhà nước Sơn Động;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trọng

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn Động, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO THUYẾT MINH
Dự toán ngân sách địa phương năm 2023 của huyện Sơn Động

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 là 817,606 tỷ đồng, tăng 7,15% so với dự toán tỉnh giao và giảm 10,58% so với dự toán HĐND giao năm 2022 (thu cân đối ngân sách địa phương giảm 10,37%, thu tiền sử dụng đất giảm 34,61%). Thu cân đối ngân sách địa phương là 807,454 tỷ đồng, tăng 6,47% so với dự toán tỉnh giao và giảm 10,37% so với dự toán HĐND huyện giao năm 2022. Trong đó:

- Thu nội địa là 167,389 tỷ đồng, tăng 48,3% so với dự toán tỉnh giao và giảm 11,24% so với dự toán HĐND giao năm 2022. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa là 92,84 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao và tăng 24,48% so với dự toán HĐND giao năm 2022. (Dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2023 là 74,549 tỷ đồng. Trong đó điều tiết ngân sách tỉnh hưởng là 7,455 tỷ đồng, ngân sách huyện hưởng là 59,639 tỷ đồng, ngân sách xã hưởng là 7,455 tỷ đồng)

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 650,217 tỷ đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao và giảm 10,4% so với dự toán năm 2022.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Dự toán chi ngân sách năm 2023 là 807,454 tỷ đồng, giảm 10,37% so với dự toán 2022. Trong đó:

- Chi đầu tư từ thu tiền sử dụng đất là 67,094 tỷ đồng, giảm 34,61% so với dự toán 2022 (bao gồm cả chi điều tiết ngân sách xã, 2% tăng thu tiền sử dụng đất để dự phòng và chi trả GPMB, đo đạc bản đồ, quy hoạch sử dụng đất và XDCB).

- Chi thường xuyên là 562.532 tỷ đồng, giảm 8,84% so với dự toán 2022.

- Chi dự phòng ngân sách huyện là 11,975 tỷ đồng, giảm 9,03% so với dự toán 2022.

- Chi ngân sách xã (không kể tiền sử dụng đất) là 152,639 tỷ đồng, tăng 0.23% so với dự toán 2022.

- Chi từ bổ sung có mục tiêu là 13,214 tỷ đồng, giảm 15.89% so với dự toán 2022.

Dự toán chi ngân sách năm 2023 đã bao gồm các khoản chi an ninh, quốc phòng, chi lương, thường xuyên theo định mức; các chương trình mục tiêu, trợ cấp cho các đối tượng xã hội theo chế độ hiện hành./.

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 81/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

STT	Nội dung	Dự toán (triệu đồng)
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**807.454**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**157.237**
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	13.213
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	144.024
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**650.217**
-	Thu bổ sung cân đối	637.003
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.214
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**807.454**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**794.240**
1	Chi đầu tư phát triển	67.094
2	Chi thường xuyên	711.970
3	Dự phòng ngân sách	15.176
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**13.214**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	13.214
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**0**

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 82/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

STT	Nội dung	Dự toán (triệu đồng)
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**789.679**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	139.462
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	650.217
-	Thu bổ sung cân đối	637.003
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.214
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**789.679**
1	**Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện**	**641.949**
2	**Chi bổ sung cho ngân sách xã**	**147.730**
-	Chi bổ sung cân đối	142.319
-	Chi bổ sung có mục tiêu	5.411
3	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**165.505**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	17.775
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	147.730
-	Thu bổ sung cân đối	142.319
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5.411
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**165.505**

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 83/CK-NSNN**

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

STT	Nội dung	Dự toán (triệu đồng)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**817.606**	**807.454**
I	**Thu nội địa**	**167.389**	**157.237**
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	60.500	60.500
-	*Thuế GTGT*	*58.880*	*58.880*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*	*800*	*800*
-	*Các lại khác*	*820*	*820*
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.500	4.400
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12.000	12.000
8	Thu phí, lệ phí	11.000	10.703
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	10
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	30	30
12	Thu tiền sử dụng đất	74.549	67.094
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	200	200
16	Thu khác ngân sách	4.200	1.900
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	400	400
II	**Thu viện trợ**		
III	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**650.217**	**650.217**
1	Thu bổ sung cân đối	637.003	637.003
2	Thu bổ sung có mục tiêu	13.214	13.214

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 84/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**807.454**	**641.949**	**165.505**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**794.240**	**634.146**	**160.094**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**67.094**	**59.639**	**7.455**
1	Chi đầu tư cho các dự án	67.094	59.639	7.455
	Trong đó chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	67.094	59.639	7.455
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*67.094*	*59.639*	*7.455*
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**711.970**	**562.532**	**149.438**
	Trong đó:			
1	Sự nghiệp kinh tế	56.132	56.132	
2	Sự nghiệp Vệ sinh môi trường	4.719	4.719	
3	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	4.002	4.002	
4	Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	1.510	1.510	
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	609	609	
6	Sự nghiệp y tế	2.277	2.277	
7	Đảm bảo xã hội	35.293	35.293	
8	Chi quản lý hành chính	35.614	35.614	
9	An ninh - Quốc phòng	4.767	4.767	
10	Sự nghiệp giáo dục	398.943	398.943	
11	Chi khác ngân sách	3.070	3.070	
12	Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương	11.739	9.694	2.045

13	Chi tăng lương ngạch bậc và chi các nhiệm vụ mới phát sinh chờ bổ sung	4.956	4.956	
14	Trích 1,5% quỹ thi đua khen thưởng	946	946	
III	**Dự phòng ngân sách**	**15.176**	**11.975**	**3.201**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**0**		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**13.214**	**7.803**	**5.411**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**0**		
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**13.214**	**7.803**	**5.411**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	**0**		

UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG **Biểu số 85/CK-NSNN**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Sơn Động)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**807.454**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ**	**160.094**
B	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**634.146**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**59.639**
1	Chi đầu tư cho các dự án	
2	Chi đầu tư phát triển khác	59.639
II	**Chi thường xuyên**	**562.532**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	400.453
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.277
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	4.002
5	Chi thể dục thể thao	609
6	Chi bảo vệ môi trường	4.719
7	Chi các hoạt động kinh tế	56.132
8	Chi các hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35.614
9	Chi bảo đảm xã hội	35.293
10	Chi An ninh - Quốc phòng	4.767
11	Chi khác ngân sách	3.070
12	Chi tăng lương ngạch bậc và chi các nhiệm vụ mới phát sinh chờ bổ sung	4.956
13	Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương cấp huyện	9.694
14	Trích 1,5% quỹ thi đua khen thưởng	946
III	**Dự phòng ngân sách**	**11.975**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	
C	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NS CẤP TRÊN**	**13.214**